

Bản án số: 35/2026/HS-PT
Ngày 08 tháng 4 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng và ông Nguyễn Vĩnh Thành.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nông Thị Lụa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2026/TLPT-HS ngày 24 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Đình Q.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2026/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐ-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình Q** (tên gọi khác: không); sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Đình T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị V; có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 2007; nhỏ sinh năm 2009). Tiền án, Tiền sự: Không

* Nhân thân:

(1). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 220/2023/HSST ngày 05/6/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Đình Q 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với hành vi thực hiện năm 2018, thời hạn chấp hành án tính từ ngày 13/5/2021. Hiện nay bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Q1 – Bộ C.

(2). Ngày 28/11/2024, Nguyễn Đình Q bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khởi tố về hành vi: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 05/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) có văn bản đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiếp nhận và nhập vụ án với vụ án hình sự để điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại Công văn số: 10882/PC02-Đ3 ngày 06/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H từ chối tiếp nhận nhập vụ án. Ngày 28/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Hà Nội ban hành Cáo trạng số: 24/CT-VKSHN-P2 truy tố Nguyễn Đình Q về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

(3). Năm 2017, Nguyễn Đình Q còn bị ông Vương Quốc L ở phường Đ, thành phố T có đơn tố cáo đối với Q về hành vi: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của ông L số tiền 900.000.000đồng. Ngày 09/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T Quyết định khởi tố vụ án số: 127/PC44, ngày 09/11/20218 đã ra Quyết định Tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự; Đến ngày 26/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã có Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số: 12985/QĐ-VPCQCSĐT; để điều tra làm rõ hành vi phạm tội của của Nguyễn Đình Q, hiện vụ án đang trong giai đoạn điều tra.

Bị cáo được trích xuất về phục vụ công tác giải quyết vụ án (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8/2014, ông Nguyễn Văn T1 đang giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Thực hiện việc sắp xếp các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Vĩnh Phúc có chủ trương sáp nhập Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm cấp huyện thành 01 khoa chức năng của Trung tâm y tế cấp huyện. Theo chủ trương sáp nhập trên thì ông T1 sẽ được phân công công tác và giữ chức vụ Trưởng khoa của Trung tâm y tế huyện T. Xuất phát từ việc không muốn bị hạ chức vụ, nên ông T1 tìm người để liên hệ tác động, xin giúp ông T1 giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm y tế huyện T sau khi sáp nhập. Vì vậy, ông T1 nói chuyện này với bà Bùi Thị M là người quen biết, thì bà M nói sẽ liên hệ với Nguyễn Đình Q để hỏi Q có xin giúp ông T1 được không. Do ông T1 và bà M đều quen biết từ trước với Q, thấy Quân giới T2 là Giám đốc của Công ty cổ phần Đ có quen biết với nhiều Lãnh đạo cấp cao ở T và địa phương. Sau đó, bà M đã gọi điện cho Q (số điện thoại 0914.251.111 và 0914.363.78) nói rõ nội dung liên quan đến việc sáp nhập và nguyện vọng của ông T1 cho Q nghe rồi nhờ Q liên hệ giúp đỡ thì Q đồng ý. Sau khi Q đồng ý giúp đỡ thì bà M cho ông T1 các số điện thoại 0914.251.111 và 0914.363.789 của Q để ông T1 trực tiếp liên hệ, trao đổi với Q. Khi ông T1 gọi điện thoại trao đổi trực đặt vấn đề với Q về việc ông T1 có nguyện vọng được giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm y tế cấp huyện sau khi sáp nhập thì Q với ông T1 là Q có thể liên hệ với Lãnh đạo Bộ Y để xin cho ông T1 giữ chức vụ Phó Giám đốc sau khi sáp nhập. Sau đó, Q yêu cầu ông T1 chuyển cho Q tổng số tiền 350.000.000 VNĐ để gặp gỡ, xin tác động với Lãnh đạo Bộ Y giúp ông T1 như nguyện vọng, ông T1 đồng ý.

Ngày 08/9/2014, ông T1 đến Ngân hàng A - Phòng Giao dịch ở thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã X, tỉnh Phú Thọ), chuyển cho Nguyễn Đình Quân S tiền 350.000.000 VNĐ vào tài khoản Ngân hàng của Quân số 1504205058097 mở tại Ngân hàng A. Sau khi nhận tiền được ít ngày, Q tiếp tục gọi điện nói dối ông T1 là đã xin xong ở Bộ Y cho ông T1 giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Y tế huyện T sau khi sáp nhập đơn vị, nhưng cần phải xin tác động thêm ở Sở Y tế tỉnh V và yêu cầu ông T1 chuyển thêm số tiền 100.000.000VNĐ. Do tin việc Q nói là thật nên ngày 22/9/2014, ông T1 tiếp tục đến Ngân hàng A - Phòng Giao dịch ở thôn L, xã P, huyện B chuyển thêm số tiền 100.000.000VNĐ vào số tài khoản 1504205058097 A của Q để xin tác động với Sở Y được chức vụ Giám đốc Trung tâm Y tế huyện T. Sau khi Q nhận thêm số tiền 100.000.000 VNĐ, ít ngày sau Q tiếp tục nói dối với ông T1 là đã lo xong việc, khi sáp nhập đơn vị ông T1 sẽ giữ chức Giám đốc Trung tâm y tế huyện T.

Ngày 01/10/2014, UBND tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) có Quyết định số: 2670/QĐ-UBND về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn huyện T thành Trung tâm y tế huyện T. Theo đó, các đơn vị trên địa bàn huyện T gồm: Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa và Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm được tổ chức lại thành Trung tâm y tế huyện T. Ngày 13/10/2014, ông T1 được điều động, chuyển đến công tác tại Trung tâm y tế huyện T theo Quyết định số: 676/QĐ-SYT ngày 13/10/2014 của Sở Y tế tỉnh V. Đến ngày 10/11/2014, Trung tâm y tế huyện T có Quyết định số: 48/QĐ-TTYT về việc điều động cán bộ làm việc tại các khoa phòng Trung tâm y tế, theo đó, ông T1 được phân công giữ chức vụ Trưởng khoa An toàn vệ sinh thực phẩm của Trung tâm y tế huyện T.

Do không được giữ chức vụ như Q đã hứa hẹn, nên ông T1 liên hệ với Q để hỏi lý do thì Q nói với ông T1 là để Q đi hỏi lại, nếu không được việc thì sẽ trả lại tiền cho ông T1. Sau đó, Q nhiều lần hứa hẹn nhưng vẫn không trả lại tiền và đến cuối năm 2018 thì Q cắt đứt liên lạc với ông T1. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 09/7/2024 ông Nguyễn Văn T1, bà Bùi Thị M đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Đình Q chỉ thừa nhận: Không nhớ gặp ông T1 từ bao giờ, khoảng tháng 9 năm 2014 ông Nguyễn Văn T1 có liên hệ với bị cáo qua 02 số điện thoại 0914.251.111 và 0914.363.789, để nhờ Q xin việc giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm y tế huyện T, sau đó Q đã liên hệ hỏi hộ ông T1 về việc này; đối với bà Bùi Thị M thì Q có gặp và biết bà M vì bà M là di của Nguyễn Thị T3 (người yêu Q). Q xác định là có việc bà M gọi điện thoại cho Q để nhờ hỏi hộ cho ông T1 xin giữ chức vụ Phó giám đốc Trung tâm y tế huyện T sau khi sáp nhập Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm với Trung tâm y tế huyện T. Tuy nhiên, khoảng 2-3 tuần sau thì Q có gọi điện thoại lại cho bà M trả lời là không xin được cho ông T1. Bị cáo Q xác nhận có nhận số tiền 450.000.000 VNĐ của ông T1 qua tài khoản ngân hàng A của Quân số 1504205058097 vào ngày

08/9/2024 và ngày 22/9/2024, nhưng đây là tiền Quân vay ông T1 để giải quyết việc cá nhân và hiện nay Q vẫn chưa trả cho ông T1 số tiền trên.

*** Vật chứng, tài sản tạm giữ:**

Ngày 13/5/2024, ông Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu: 01 thẻ Cardvirit có tên Công ty CP Đ, Nguyễn Đình Q – Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc; 01 Chứng từ giao dịch ngày 22/9/2014 của Ngân hàng A chi nhánh huyện B; 01 Lệnh thanh toán ngày 08/9/2014 của Ngân hàng A chi nhánh huyện B và 02 Giấy nộp tiền ngày 08/9/2014 và ngày 22/9/2014 của Ngân hàng A chi nhánh huyện B.

Ngày 18/7/2024, ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 206, màu xanh, có số IMEI 1: 354125050412524, số IMEI 2: 354125050412532, đã qua sử dụng, bên trong không lắp thẻ SIM, để phục vụ công tác điều tra.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

Ngày 29/7/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cũ (nay là tỉnh Phú Thọ) có Quyết định trưng cầu giám định số 1313/QĐ-ĐCSKT-MT về việc trưng cầu Phòng KTHS - Công an tỉnh V (nay là tỉnh Phú Thọ) giám định Kỹ thuật số - Điện tử đối với chiếc điện thoại do ông Nguyễn Văn T1 giao nộp. Ngày 19/8/2024, Phòng KTHS - Công an tỉnh V có Kết luận giám định số: 2398/KL-KTHS về nội dung trên, cụ thể: *"Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định; kết quả thu được: 258 tin nhắn SMS. Toàn bộ dữ liệu thu được nêu trên được in vào Phụ lục giám định."* Trong đó có nhiều tin nhắn liên quan đến việc ông T1 yêu cầu Q trả lại tiền do không lo được việc cho ông. Q có nhiều tin nhắn hứa sẽ liên hệ để lấy lại tiền trả lại ông T1.

*** Kết quả xác minh tại Trung tâm y tế, Phòng Nội vụ huyện T:**

Ngày 22/7/2024, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Trung tâm y tế huyện T xác định: Tại Quyết định 2670/QĐ_UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh V về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp y tế trên địa bàn huyện T thành Trung tâm y tế huyện T. Theo Quyết định này Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa, Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm sẽ được sáp nhập thành Trung tâm y tế huyện T. Ngày 10/11/2014, Trung tâm y tế huyện T ra Quyết định số: 48/QĐ-TTYT về việc điều động cán bộ viên chức và lao động hợp đồng làm việc tại các khoa phòng Trung tâm y tế. Theo đó, ông Nguyễn Văn T1 được giữ chức vụ Trưởng khoa An toàn vệ sinh thực phẩm.

*** Kết quả xác minh giao dịch và sao kê tài khoản ngân hàng:** Văn bản số 926 ngày 22/7/2024 của Ngân hàng N Chi nhánh B - Vĩnh Phúc xác định:

Thông tin tài khoản số 1504205058097 tên chủ tài khoản Nguyễn Đình Q – SN 17/5/1981, CMND/CCCD: 135041036 ngày cấp: 19/11/2009, nơi cấp: Công an tỉnh V. Ngày 08/9/2014 nhận số tiền 350.000.000 VNĐ và ngày 22/9/2014 nhận số tiền 100.000.000 VNĐ có nội dung: Nguyễn Văn T1 nộp tiền. Ngoài ra, Ngân hàng N cung cấp 02 chứng từ giao dịch ngày 08/9/2014 và ngày 22/9/2014, người

gửi Nguyễn Văn T1 và người nhận là Nguyễn Đình Q với số tiền lần lượt là 350.000.000 VNĐ và 100.000.000 VNĐ.

*** Kết quả xác minh thông tin thuê bao:**

Ngày 09/9/2024, Cơ quan điều tra đã ra yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 2647/YC-HS-KT-MT gửi đến Tập đoàn B yêu cầu cung cấp thông tin về chủ thuê bao và lịch sử cuộc gọi đến, cuộc gọi đi; Lịch sử tin nhắn đến, tin nhắn đi, vị trí thực hiện cuộc gọi của các số thuê bao 0914.251.111 và 0914.363.789, thời gian từ ngày 01/9/2014 đến ngày 30/01/2015. Ngày 12/9/2024, Tập đoàn B đã có văn bản số 7985/VNPT-PCTT-TL phúc đáp yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử số 2647/YC-HS-KT-MT như sau:

Thông tin chủ thuê bao 0914.251.111 là: Nguyễn Đình Q, CMTND số 135041036 do Công an tỉnh V cấp ngày 19/11/2009, địa chỉ thường trú: Khu C, TT V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Thuê bao cập nhật thông tin ngày 04/8/2011. Thông tin chủ thuê bao 0914.363.789 là: Nguyễn Đình T4; CCCD số 026078001502 do Bộ C cấp ngày 02/08/2016; Địa chỉ thường trú: Khu C, TT V, V, Vĩnh Phúc. Thuê bao cập nhật thông tin ngày 14/5/2018.

- Chi tiết cuộc gọi, tin nhắn đi, đến của thuê bao 0914251111 và 0914363789 trong thời gian từ 01/9/2014 đến 30/01/2015: Theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ Tập đoàn B thời gian lưu trữ dữ liệu (chi tiết cuộc gọi, tin nhắn đi, đến) là 24 tháng kể từ thời điểm hiện tại trở về trước nên chi tiết cuộc gọi, tin nhắn đi, đến theo yêu cầu của quý Cơ quan không còn lưu.

Kết quả xác minh xác định: Nguyễn Đình T4 nêu trên là anh trai ruột của bị cáo Nguyễn Đình Q. Số thuê bao 0914.363.789 thời điểm năm 2014 là do Q sử dụng, sau đó đến năm 2018 do không có nhu cầu sử dụng nữa nên Q đã cho anh T4 sử dụng. Sau đó anh T4 đã đăng ký lại thông tin chủ thuê bao là Nguyễn Đình T4.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2026/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8- Phú Thọ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Q 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 220/2023/HSST ngày 05/6/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Nguyễn Đình Q phải chấp hành hình phạt chung cho 02 Bản án là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giam 13/5/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 01 năm 2026 bị cáo Nguyễn Đình Q có đơn kháng cáo nội dung kêu oan vì cho rằng không thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông T1; số tiền 450.000.000 đồng Q nhận của ông T1 là tiền ông T1 cho Q vay. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Q; giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Q trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên; VKSND khu vực 8 – Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đình Q; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình Q đều không thừa nhận hành vi lừa đảo nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ông T1; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo Q khai nhận là vào khoảng tháng 9 năm 2024 có việc ông T1 gọi điện cho bị cáo nhờ giải quyết công việc; có việc bà M gọi điện nhờ bị cáo xin cho ông T1 giữ chức Phó giám đốc, Giám đốc Trung tâm y tế huyện T. Sau đó bị cáo có liên hệ nhờ xin việc cho ông T1 nhưng không được, nên khoảng 02 tuần sau bị cáo đã gọi điện thông báo cho bà M là không giải quyết được việc; trong các ngày 08/9/2014 và 22/9/2014 có việc ông T1 chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng A của Q với tổng số tiền là 450.000.000đồng. Bị cáo cho rằng đây không phải là số tiền bị cáo chiếm đoạt của ông T1 mà là tiền bị cáo vay của ông T1 và hiện nay bị cáo vẫn chưa trả ông T1 số tiền này. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật kết hợp với việc xét hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa; từ đó có đủ cơ sở để xác định: Mặc dù quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Đình Q không thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn T1 nhưng căn cứ vào lời khai của bị

hại là ông Nguyễn Văn T1, lời khai của bà Bùi Thị M, bà Bùi Thị H1, chị Nguyễn Thị T3 (người yêu bị cáo Q) và các tài liệu, chứng cứ khác như: Kết quả tra cứu thông tin tài khoản ngân hàng; kết quả trung cầu giám định dữ liệu điện thoại của bị hại ông Nguyễn Văn T1; thông tin, tài liệu do nhà mạng cung cấp; lời khai của chính bị cáo Nguyễn Đình Q xác định có nhận số tiền 450.000.000 đồng của ông T1 vào ngày 08/9/2014 và ngày 22/9/2014 và xác nhận các số điện thoại 0914.251.111 và 0914.363.789 là của Q, chỉ do một mình Q sử dụng từ đó có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mục đích muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, Nguyễn Đình Q đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc có mối quan hệ thân thiết với các lãnh đạo Bộ Y, lãnh đạo Sở y tế tỉnh V có khả năng sắp xếp cho ông Nguyễn Văn T1 giữ chức vụ Phó giám đốc, Giám đốc Trung Tâm y tế huyện T. Vì tin tưởng vào thông tin do Nguyễn Đình Q đưa ra là sẽ giúp cho ông T1 giữ chức vụ Phó Giám đốc, Giám đốc Trung tâm y tế huyện B nên ông Nguyễn Văn T1 đã 02 lần chuyển tiền cho Q với tổng số tiền là 450.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền 450.000.000 đồng, Nguyễn Đình Q không tác động hay nhờ vả cá nhân, tổ chức nào giúp việc cho ông T1 mà chiếm đoạt hết số tiền trên rồi cắt liên lạc với ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình Q thừa nhận từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì với ông T1, bà M, chị T3; từ trước đến nay bị cáo chưa đến nhà ông T1 hay ông T1 chưa đến trụ sở hay nhà riêng của bị cáo. Việc bị cáo biết ông T1 là thông qua bà M, chị T3 nên giữa bị cáo với ông T1 chỉ là quan hệ xã hội bình thường, không thân thiết gì với nhau. Tuy nhiên, khi bị cáo cần tiền hỏi thì ông T1 đã cho bị cáo vay số tiền 450.000.000 đồng, việc vay này có thỏa thuận về lãi nhưng giữa hai bên chưa xác định mức lãi cụ thể là bao nhiêu vì ông T1 cho rằng mức lãi suất cao hơn lãi do Ngân hàng quy định là được. Hiện nay bị cáo vẫn chưa trả ông T1 khoản tiền lãi và số tiền vay của khoản 450.000.000 đồng này. Tại phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Đình Q không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì xác định số tiền 450.000.000 đồng mà bị cáo nhận của ông T1 là tiền vay; bị cáo không lý giải được sự mâu thuẫn giữa lời khai của bị cáo là ông T1 cho bị cáo vay tiền so với lời khai của ông T1, bà M, chị T3 về việc bị cáo nhận tiền của ông T1 với mục đích xin cho ông T1 giữ chức vụ Phó giám đốc, giám đốc Trung tâm y tế huyện T; bị cáo không lý giải được giữa bị cáo với ông T1 chỉ quen biết qua bà M, chị T3 nhưng khi cần tiền hỏi thì ông T1 sẵn sàng cho vay; bị cáo không lý giải vì sao có sự mâu thuẫn trong lời khai ban đầu của bị cáo là không quen biết gì chị T3, ông T1, bà M nên không có việc nhận tiền của ông T1 nhưng về sau lại thừa nhận có quen biết chị T3, bà M, ông T1 và có việc nhận số tiền 450.000.000 đồng của ông T1. Từ các căn cứ như trên, có đủ cơ sở xác định số tiền 450.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Đình Q nhận của ông Nguyễn Văn T1 không phải là tiền ông T1 cho Q vay nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo luôn cho rằng số tiền bị cáo nhận của ông T1 là tiền vay, bị cáo không thực hiện hành vi lừa dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn T1 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do vậy, kháng cáo kêu oan của bị cáo là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án kết hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn Đình Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình Q; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2026/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Q 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 220/2023/HSST ngày 05/6/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Nguyễn Đình Q phải chấp hành hình phạt chung cho 02 Bản án là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày ngày 13/5/2021.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Đình Q phải chịu 200.000 đồng phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Phú Thọ;
- Phòng HTTP –THAHS CA tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam số 2 - CA tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 8 – Phú Thọ;
- VKSND khu vực 8 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Thành Nguyễn Xuân Trọng

Nguyễn Duy Sơn